

Bài 33 CÁC CHÙNG TỘC, NGÔN NGỮ VÀ TÔN GIÁO

I - CÁC CHÙNG TỘC TRÊN THẾ GIỚI

1. Khái niệm và đặc điểm

Chủng tộc là những nhóm người hình thành trong lịch sử trên một lãnh thổ nhất định, có một số đặc điểm chung trên cơ thể mang tính di truyền.

Những dấu hiệu cơ bản để phân loại chủng tộc là các đặc điểm hình thái bề ngoài cơ thể, trong đó những đặc điểm dễ nhận thấy nhất là màu da, dạng tóc, hình dạng hộp sọ, sống mũi, môi, cằm vóc.



Chủng tộc Orôpêôit

Chủng tộc Nêgrô - Ôxtralôit

Chủng tộc Môngôlôit

Hình 33.1 - Các chủng tộc trên thế giới

■ Quan sát hình 33.1 và nêu những đặc điểm ngoại hình chính của các chủng tộc.

2. Phân bố

a) Chủng tộc Môngôlôit chiếm gần 40% dân cư thế giới, tập trung chủ yếu ở châu Á và châu Mi. Cách đây khoảng 2 vạn năm, vào cuối thời kì băng hà Đệ Tứ, mực nước biển trên thế giới thấp hơn nhiều so với hiện nay. Châu Á và Bắc Mi được nối với nhau bởi eo đất Bê-rinh. Vì thế, người Môngôlôit dễ dàng di cư từ châu Á sang và trở thành cư dân bản địa châu Mi. Về sau, do băng tan, châu Á bị ngăn

cách với châu Mi bởi eo biển Bê-rinh trên. Từ đó nhánh Mônggôlôit ở châu Mi bị tách biệt hẳn với nhánh Mônggôlôit ở Cựu lục địa.

b) *Chủng tộc Orôpêôit* chiếm gần 48% dân số toàn cầu. Tuy có tên là Orôpêôit, nghĩa là loại hình người châu Âu, song về nguồn gốc, chủng tộc này ra đời không phải ở châu Âu, mà là ở châu Á. Từ địa bàn cư trú đầu tiên ở Ấn Độ, người Orôpêôit mở rộng địa bàn cư trú sang Tây Á, Bắc Phi, Nam Âu, quanh Địa Trung Hải. Ở phía bắc, băng tan đến đâu con người tiến lên cư trú tới đó. Chủng tộc Orôpêôit có địa bàn cư trú rộng, gắn liền với việc thực dân hoá ở châu Mi, Ô-xtrây-li-a và nhiều thuộc địa của các nước châu Âu.

c) *Chủng tộc Nêgrô - Ôxtralôit* chiếm khoảng 12% dân số thế giới, gồm hai nhánh ở cách xa nhau : Nêgrôit ở châu Phi và Ôxtralôit ở Nam Ấn Độ, nhiều đảo trên Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, đặc biệt là ở Ô-xtrây-li-a.

Ngoài ba chủng tộc lớn, còn có các nhóm người lai, kết quả của sự hoà huyết giữa các chủng tộc. Các chủng tộc sinh ra trên thế giới đều có quyền như nhau và hoàn toàn bình đẳng.



Hình 33.2 - Phân bố các chủng tộc trên thế giới

■ **Quan sát hình 33.2, hãy xác định các khu vực phân bố của các chủng tộc chính.**

II - NGÔN NGỮ

1. Khái niệm

Ngôn ngữ là hệ thống những âm, những từ và những quy tắc kết hợp chúng với nhau để làm công cụ giao tiếp giữa người với người, để trao đổi với nhau những tình cảm, ý nghĩ, hiểu biết, giúp cho việc hình thành các quan hệ xã hội.

2. Đặc điểm

Hiện nay trên thế giới có khoảng 4000 - 5000 ngôn ngữ khác nhau. Tất nhiên, đây chỉ là con số ước lượng bởi các ngôn ngữ hết sức đa dạng. Thậm chí ngay trong cùng một ngôn ngữ cũng có nhiều thổ ngữ (tiếng địa phương).

Mỗi dân tộc, mỗi quốc gia thường có một ngôn ngữ chính thức. Song cũng không ít các trường hợp có một số dân tộc nói cùng một thứ ngôn ngữ. Ví dụ, tiếng Anh không chỉ có người Anh sử dụng mà còn cả người Hoa Kỳ, người Ca-na-đa gốc Anh, người Ô-xtrây-li-a gốc Anh, người Xcôt-len, người Niu Di-lân, người Phi-lip-pin và nhiều dân tộc khác. Bên cạnh đó, một số ít quốc gia lại dùng nhiều ngôn ngữ và các ngôn ngữ được xem ngang hàng với nhau như tiếng Pháp và tiếng Anh ở Ca-na-đa ; tiếng Đức, tiếng Pháp và tiếng I-ta-li-a ở Thụy Sĩ.

3. Các ngôn ngữ phổ biến trên thế giới

Các ngôn ngữ phổ biến nhất trên thế giới hiện nay là : tiếng Hoa (hơn 1 tỉ người sử dụng), tiếng Anh (gần 500 triệu), tiếng Hin-đi (trên 400 triệu), tiếng Tây Ban Nha (380 triệu), tiếng Nga (260 triệu), tiếng Ả Rập (trên 220 triệu), tiếng Ben-ga-li (gần 200 triệu), tiếng Bồ Đào Nha (trên 180 triệu), tiếng In-đô-nê-xi-a (trên 150 triệu), tiếng Pháp (gần 130 triệu), tiếng Nhật (125 triệu), tiếng Đức (gần 120 triệu), tiếng Uóc-đu (100 triệu). Như vậy, trên 60% dân số thế giới nói bằng 13 ngôn ngữ này.

III - TÔN GIÁO

1. Khái niệm

Tôn giáo là thế giới quan và những hành vi tương ứng, liên quan đến niềm tin vào lực lượng siêu tự nhiên cũng như ảnh hưởng của nó tới đời sống con người, đồng thời là sự thể hiện một cách tương tượng các lực lượng tự nhiên và xã hội trong nhận thức con người.

Tôn giáo là khía cạnh quan trọng của tâm lý và hành vi của con người. Niềm tin về phương diện tôn giáo có ảnh hưởng tới hành vi ứng xử của

con người. Ở mức độ cao hơn, tôn giáo tác động tới nhận thức và thế giới quan của con người và từ đó ảnh hưởng tới các hoạt động sản xuất, chính trị, văn hoá, tinh thần của toàn xã hội. Ở nhiều quốc gia trên thế giới, tôn giáo đã trở thành quốc giáo.

2. Phân bố

■ Quan sát hình 33.3, hãy xác định các khu vực phân bố các tôn giáo chủ yếu trên thế giới.



Hình 33.3 - Phân bố các tôn giáo trên thế giới



Hình 33.4 - Thánh địa Méc-ca ở Ả rập Xê-út

Theo số liệu của Liên Hợp Quốc, hiện nay 83% dân số thế giới có theo tôn giáo. Trong số hơn 500 tôn giáo đang tồn tại, có 5 tôn giáo lớn với số lượng tín đồ lên tới gần 3,9 tỉ, chiếm 77% số người theo tôn giáo. Đó là đạo Cơ-đốc (còn gọi là Ki-tô) với các giáo phái quan trọng nhất là Công giáo (gần 1 tỉ tín đồ), Tin lành (453,8 triệu) và Chính thống (180 triệu); đạo Hồi (I-xlam) (trên 1 tỉ tín đồ), đạo Hin-đú (Ấn giáo) (750 triệu), đạo Phật (344 triệu) và đạo Do thái (18,2 triệu).



Hình 33.5 - Chùa Phật giáo ở Thái Lan

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Hãy lập bảng trình bày các chủng tộc chính trên thế giới theo gợi ý dưới đây :

Đặc điểm	Mônggôlôit	Ơrôpêôit	Nêgrô - Ôxtralôit
- Da - Tóc - Sống mũi - Dạng môi			
Nơi phân bố chủ yếu			

2. Cho biết tên các ngôn ngữ phổ biến nhất trên thế giới.
3. Nêu vai trò của tôn giáo trong đời sống kinh tế và văn hoá trên thế giới. Cho ví dụ cụ thể.